TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 826/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 703/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu***:** Ông Lê Hữu P, sinh năm 1993;
Địa chỉ: 54 đường A, phường B, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Người yêu cầu: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1993;
Địa chỉ: 21G/29/07 đường M, Phường N, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 117, do Ủy ban nhân dân Phường N, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Trong thời gian vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trái ngược về tính cách, không thể hòa hợp được, ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông và bà Ngát yêu cầu được thuận tình ly hôn. Tòa án xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến hai bên không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Lê Ngọc Gia T , sinh ngày 24/4/2017. Hai bên thống nhất ly hôn sẽ giao con chung Lê Ngọc Gia T cho bà Phạm Thị N

nuôi dưỡng và ông Lê Hữu P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung thành niên.

[4] - Về tài sản chung; về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N thuận tình ly hôn (ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 117, do Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2016).

- Về con chung: Bà Phạm Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Ngọc Gia T , sinh ngày 24/4/2017. Ông Lê Hữu P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2019.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Hữu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông Lê Hữu P chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Phú phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lê Hữu P và bà Phạm Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0038775 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND Phường N, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc